Muốn biết hội nghị của khóa mấy => nhìn xem đang thuộc ĐH mấy của Đảng, ví dụ HN TW6 năm 1979 thuộc ĐH IV nên là HN 6 khóa IV, về thời gian, chỉ cần nhớ thời gian diễn ra ĐH Đảng, và thời gian tham gia tổ chức / ngừng bắn/ bình thường hóa quan hệ, còn thời gian hội nghị và chỉ thị / QD / NQ không cần nhớ.

Thời gian	Tên hội nghị/ CT/ QD/	Nội dung
	NQ (có thể không có)	
8/1975	HN 24 BCHTW Đảng	Thống nhất nước nhà, đưa cả nước tiến nhanh, mạnh, chắc lên XHCN
11/1975		Hội nghị hiệp thương 2 miền Nam Bắc (Sài Gòn)
1/1976	Chỉ thị 228-CT/TW	Nêu rỗ tầm quan trọng của tổng tuyển cử
25/4/1976	·	Tổng tuyển cử bầu Quốc hội khóa 6
7/1976		Đổi tên nước thành CHXHCNVN; chọn quốc kỳ, quốc hiệu, quốc ca, thủ đô; đổi tên SG -> TPHCM
12/1976	Đại hội IV Đảng	 Đổi tên thành DCS VN – TBT Lê Duẩn; Đại hội toàn thắng của sự nghiệp giải phóng dân tộc Ba đặc điểm của CMVN: 1. từ sx nhỏ đi thẳng lên CNXH không qua TBCN; 2.có nhiều thuận lợi khi hòa bình thống nhất nhưng cũng còn nhiều khó khăn do tàn dư chiến tranh; 3. cuộc đấu tranh "ai thắng ai" giữa thế lực cách mạng và phản cách mạng trên thế giới còn quyết liệt Đường lối XD CNXH: 3 cuộc cách mạng: quan hệ sx, khoa học kỹ thuật (then chốt, trong đó ptrien CN nặng hợp lý là then chốt của then chốt), tư tưởng văn hóa (đi đầu là tư tưởng làm chủ tập thể) với mục tiêu: xây dựng chế độ làm chủ tập thể XHCN, nền sx lớn, văn hóa mới, con người mới Kế hoạch 5 năm: (76-80): bảo đảm nhu cầu đời sống nhân dân, tích lũy cơ sở vật chất ban đầu của CNXH + đẩy mạnh CM tư tưởng văn hóa Hạn chế: chưa nhìn nhận được hạn chế của mô hình kte bao cấp sau ctranh, còn nóng vội, đề ra những chủ trương vượt quá khả năng thực tế, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, cùng có lợi và quản lý dân chủ
20/09/1977		VN gia nhập LQH
8/1979	HN TW 6	Bước đột phá đầu tiên trong đổi mới kinh tế, giúp sản xuất bung ra
1978-1979		2 cuộc Chiến tranh biên giới phía Tây Nam(PolPot – Campuchia) và phía Bắc (Trung Quốc)
1/1981	Chỉ thị 100-CT/TW (khoán 100)	Khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động, được hưởng tự do mua bán mức vượt
1981	QĐ 25 và 26-CP	Trao quyền chủ động sản xuất kinh doanh tự chủ kinh tế + mở rộng trả lương khoán, tiền thưởng
12/1980		Hiến pháp đầu tiên sau độc lập
3/1982	Đại hội V Đảng	- TBT Lê Duẩn - Chỉ ra khuyết điểm sai lầm của 5 năm 76 – 80 - Nhiệm vụ CM: xây dựng CNXH + bảo vệ TQ - Nội dung CN hóa: nông nghiệp hàng đầu, đưa nông nghiệp lên sx lớn XHCN; đẩy mạnh hàng tiêu dùng và 1 số ngành CN hàng tiêu dùng trong cơ cấu công-nông hợp lý, chỉ ra miền Nam cần tồn tại

doanh, cá thể, công tư hợp doanh)			5 thành phần kte(quốc doanh, tập thể, tư bản tư
6/1985 HN TW 8 Bước đột phá thứ 2 trong đổi mới kinh tế: xóa quan liêu bao cấp thay bằng hạch toán KT và kinh doanh XHCN, điều chính giá lương tiến 8/1986 HN Bộ chính trị khóa V Bước đột phá thứ 3: nông nghiệp hàng đầu, 3 chương trinh lương thực-tp, hàng tiêu dùng và hàng xuất khấu (cơ cấu sx); nhận thức thời kỳ quá độ lên CNXH nền kte có nhiều thành phần (cái tạo XHCN), phát tuy vai trò của quy luật kinh tế XHCN, quy luật hàng — tiền (cơ chế quản lý KT) 12/1986 Đại hội VI Đại hội đổi mới toàn diện; TBT Nguyễn Văn Linh - Bốn bài học: 1. lấy dân làm gốc; 2. xuất phát từ thực tế và tôn trong quy luật khách quan; 3. kết hợp sm đán tộc + thời đại; 4. xây dựng đầng xứng tầm lãnh đạo - Đổi mới kinh tế: bát triển nhiều TP kinh tế, xóa bố quan liệu bao cấp chuyển sang hạch toán kinh doanh XHCN, ba chương trình kinh tế: lương thực thực phẩm – hàng tiêu dùng – hàng xuất khẩu. Đổi ngoại: tàng hữu nghị hợp tác với Liên Xố và các nước XHCN, bthg hóa quan hệ với TQ; từ nàm 1990: vu tiến giữ vững hòa binh và ptrien kte, thêm ban bốt thù, mở rộng hữu nghị với nguyên tắc bình đầng và cùng có lợi 4/1987 HN TW 2 Bổng giám (bội chi ngắn sách, tàng giả, lạm phát, khó khân) 4/1988 Chỉ thị 10-CT/TW (khoán 10) Bổn giấm (bội chi ngắn sách, tàng giả, lạm phát, khó khân) HN TW 8 Chỉ thị 10-CT/TW (khoán sản phần cuốn gián học và rõi ràng hơn) 3/1989 HN TW 8 Chính đốn đảng, dùng khái niệm hệ thống chính trị, đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu XHCN, mà làm cho mục tiêu đổ được thực hiện tốt hơn chính đốn đảng, phân lích tình hình các nước XHCN, đề ra nhiệm vụ mới, yêu cầu đối mới tư duy, đặc biệt là về kinh tế (hóa cương lĩnh đầu tiên 2/1030, luận cương 10/1930, chính cương của đảng Lao động 2/1951, về sau cón cương lĩnh đầu tiên 2/1030, luận cương 10/1930, chính cương của đảng Lao động 2/1951, về sau cón cương lĩnh thừ 4 (trc đố là cương lĩnh đầu tiên 2/1030, luận cương 10/1930, chính cương của đảng Lao Đến phiếu, dù lương chá đạn bào có đãn giàu nước pháp duyền XHCN (chưa cố đân giàu nước pháp quyền XHCN cha ND do ND vì ND d			
quan liêu bao cấp thay bằng hạch toán KT và kinh doanh XHCN, điều chính giấ lương tiền 8/1986 HN Bộ chính trị khóa V Bước đột phá thứ 3: nông nghiệp hàng đầu, 3 chương trính lương thực-tọ, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu (cơ cáu sx); nhận thứ c thời kỳ quá đô lên CNXH nền kte có nhiều thành phần (cái tạo XHCN), phát huy vai trò của quy luật kinh té XHCN, quy luật hàng – tiên (cơ chế quán lý KT) 12/1986 Đại hội VI - Đại hội đối mởi toàn diện; TBT Nguyễn Van Linh - Bốn bài học: 1. lấy đân làm gốc; 2. xuất phát tử thực tế và tôn trọng quy luật khách quan; 3. kết hợp sm đàn tộc + thời đại; 4. xây dựng đảng xứng tàm lãnh đọo - Đổi mới kinh tế; phát triển nhiều TP kinh té, xóa bộ quan liêu bao cấp chuyển sang hạch toán kinh doanh XHCN, ba chương trình kinh tế: lương thực thực phẩm – hàng tiểu dùng – hàng xuất khẩu Đổi mọc ii: tang hữu ngh hợp tác với Liên Xô và các nước XHCN, bthg hóa quan hệ với TC; tử nằm 1990: ưu tiến giữ vững hòa bình và ptrien kte, thêm ban bột thù, mở rộng hữu nghì với nguyên tắc bình đầng và cũng có lợi 4/1987 HN TW 2 Bốn giảm (bội chi ngắn sách, tăng giá, lạm phát, khó khản) HN TW 2 Bốn giảm (bội chi ngắn sách, tăng giá, lạm phát, khó khản) HN TW 8 Chỉ thị 10-CT/TW (khoán 10) Khoán 10) Khoán sân phần cuối cùng đến nhóm hộ và hộ xã viên (hơn khoán 100 ở việc đa dạng lĩnh vực và rõ ràng hơn) 3/1989 HN TW 8 Chỉnh đốn đảng, dùng khái niệm hệ thống chính trị, đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu XHCN mà làm cho mục tiêu đố dược thực hiện tốt hơn Chính đốn đảng, phân liệt thình hin các nước XHCN, đề ra nhiệm vụ mới, yêu cầu đối mới tư dụy, đặc biệt là và kinh tế 1988 Xôa bố tem phiếu, dự lương thực xuất khẩu 1991 Cương lĩnh 1991 – cương lĩnh thứ 4 (trc đố là cương lĩnh đầu tiên 2/1030, luận cương 10/1930, chính cương của đảng Lao động 2/1951, về sau cón cương lĩnh 1991 – cương lĩnh thứ 4 (trc đố là cương lĩnh gàu thướn chốn bản và khá thủng hoàng, ỗn định kát đần tiết, doàn kết quốc tế - Cổ 6 đặc trưng của XHCN (chưa có đân giàu nước pháp quyền XHCN của ND do ND vì ND do DCS lành đạo	6/1985	HN TW 8	
8/1986 HN Bộ chính trị khóa V AN Bộ chính trị khóa V NHN Bộ chính trị khóa V AN Bộ chính trị khóa V Bước đột phá thứ 3: nông nghiệp hàng đầu, 3 chương trình lương thực-tp, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu (cơ cấu sx); nhận thức thời kỳ quá độ lên CNXH hiện kte ở nhiều thành phản (cải tạo XHCN), phát huy vai trò của quy luật kinh tế XHCN, quy luật hàng — tiên (cơ chế quản tỷ KT) 12/1986 Dại hội VI - Đại hội đổi mới toàn đến; TBT Nguyễn Văn Linh - Bổn bài học: 1, lấy đán làm gốc: 2, xuất phát tử thực tế và tôn trọng quy luật khách quan; 3, kết họp sm đán tộc + thời đại; 4, xáy dựng đảng xứng tầm lãnh đạo - Đổi mợi kinh tế; phát triển nhiều TP kinh tế, xóa bố quan liêu bao cấp chuyển sang hạch toán kinh doanh XHCN, ba chương trình kinh tế; lương thực thực phẩm — hàng tiểu dùng — hàng viất khẩu - Đổi ngoại: tăng hữu nghị hợp tác với Liên Xô và các nước XHCN, bhtg hòa quan hệ với TQ; tử năm 1990: ưu tiến giữ vừng hòa bình và ptrien kte, thêm bạn bớt thủ, mở rộng hữu nghị với nguyên tác bình đáng và cùng có lợi 4/1987 HN TW 2 Bổn giảm (bội chi ngân sách, tăng giá, lạm phát, khó khán) Khoán sản phần cuối cùng đến nhóm hộ và hộ xã viên (hơn khoán 100 ở việc đa dạng lĩnh vực và rõ ràng hơn) 3/1989 HN TW 8 Chi thị 10-CT/TW (khoán 10) Khoán sản phần tich tình hình các nước XHCN, đề ra nhiệm vụ mới, yếu cầu đối mới tư duy, đặc biệt là về kinh tế 1988 Al Chinh đốn đảng, phân tích tình hình các nước XHCN, đề ra nhiệm vụ mới, yếu cầu đối mới tư duy, đặc biệt là về kinh tế 1980 Cương lĩnh 1991 Cương lĩnh 1991 Cương lĩnh thư 4 (trc đó là cương lĩnh đầu tiên 2/1030, luận cương 10/1930, chính cương của đảng Lao động 2/1951, về sau côn cương lĩnh đầu tiên 2/1030, luận cương 10/1930, chính cương của đảng Lao động 2/1951, về sau côn cương lĩnh đầu tiên 2/1030, luận cương 10/1930, chính cương của đảng Lao Đến năm 2000: VN ra khỏi khủng hoàng, ỗn định kte XH, vựct qua tình trạng nước nghèo kém ptr, GDP nằm 2000 gắp đôi so với 1990			
8/1986 HN Bộ chính trị khóa V chí thị shóa V chương trình lương thực -tọ, hàng tiêu dùng và chương trình lương thực -tọ, hàng tiêu dùng và hàng xuất khấu (cơ cấu sx); nhận thức thời kỳ quá đổ lên CNXH nền kte có nhiều thành phần (cái tạo XHCN), phát huy vai trò của quy luật kinh tẻ XHCN, quy luật hàng – tiên (cơ chế quản lý KT) 12/1986 Đại hội VI - Đại hội đổ mới toàn diện; TBT Nguyễn Văn Linh - Bốn bài học: 1. lấy đân làm gốc; 2. xuất phát từ thực tế và tôn trọng quy luật khách quan; 3. kết hợp sm đàn tộc + thời đại; 4. xây dựng đảng xứng tàm lãnh đạo - Đỗi mới kinh tế: phát triển nhiều TP kinh tế, xóa bỏ quan liêu bao cấp chuyển sang hạch toán kinh doanh XHCN, bạ chương trình kinh tế: lương thực thực phẩm – hàng tiêu dùng – hàng xuất khẩu. – Đối ngoại: tăng hữu nghị hợp tác với Liên Xô và các nước XHCN, bi thy họ hòa bình và ptrien kte, thêm bạn bột thù, mở rộng hữu nghị với nguyên tắc bình đẩng và cùng có lợi 4/1987 HN TW 2 Bổ ngiảm (bội chỉ ngắn sách, tăng giả, lạm phát, khó khán) 4/1988 Chỉ thị 10-CT/TW (khoán 10) Khoán sản phần cuối cùng đến nhóm hộ và hộ xã viên (hơn khoán 100 ở việc đa dạng lĩnh vực và rõ ràng hơn) 3/1989 HN TW 6 Chỉnh đốn đảng, dùng khái niệm hệ thống chính trị, đối mới không phải là thay đổi mục tiêu XHCN mà làm cho mục tiêu đố dược thực hiện tốt hơn Chính đốn đảng, phân tich tình hình các nước XHCN, để ra nhiềm vụ mới, yêu cầu đổi mới tư dụy, đặc biệt là về kính tệ 5/20 Ago bột thì về chi mới, dân chủ - kỷ cương – đoàn kết; TBT Đỗ Mười 1980 Chiến lược ốn định và phát triển kinh tế XH độn năm 2000: VN ra khỏi khủng hoàng, ỗn định kit XH, dên năm 2000: UN ra khỏi khủng hoàng, ỗn định kit XH, vựct qua tình trạng nước nghèo kém ptr, GDP năm 2000 gắp đôi so với 1990 11/1991			
hàng xuất khẩu (cơ cấu sx); nhận thức thời kỳ quá độ lên CNXH nền kte có nhiều thành phần (cải tạo XHCN), phát huy vai trò của quy luật kinh tế XHCN), quy luật hàng – tiền (cơ chế quản lý KT) 12/1986 Dại hội VI 13/1980 Dại hội VI 14/1987 HN TW 2 15/1987 Dại họi Chỉ thị 10-CT/TW (khoán 10) 15/1988 Chỉ thị 10-CT/TW (khoán 10) 15/1989 HN TW 6 15/1980 HN TW 6 15/1980 Dại hội VII Đảng 15/1990 Dại hội VII Đảng 15/1991 Cương lĩnh 1991 – cương lĩnh 1991 – cương lĩnh 1901 – cương lĩnh thứ 4 (trc đó là cương lĩnh 2011) 15/1991 Chiến lược ởn định và phát triển kinh tế XH đến năm 2000 15/1991 Dại hội VII Đảng 15/1991 Dại họi VII Đảng 15/1991 Dại họi VII Đảng 15/1991 Dại họi VII Đảng 15/1991 Dại hội VII Đảng 15/1991 Dại họi	8/1986	HN Bộ chính trị khóa	
hàng xuất khầu (co cầu sx); nhận thức thời kỳ quá độ lên CNXH nền kte có nhiều thành phần (cải tạo XHCN), phát huy vai trò của quy luật kinh tẻ XHCN, quy luật hàng – tiền (cơ chế quản lý KT) 12/1986 Dại hội VI Dại hội đổi mới toàn diện; TBT Nguyễn Văn Linh - Bồn bài học: 1. lấy dân làm gốc; 2. xuất phát từ thực tẻ và tổn trọng quy luật khách quan; 3. kết hợp sm đàn tộc + thời đại; 4. xây dựng đảng xứng tầm lãnh đạo - Đổi mới kinh tế: phát triển nhiều TP kinh tế, xóa bỏ quan liễu bao cáp chuyển sang hạch toán kinh doanh XHCN, ba chương trình kinh tế: lương thực thực phẩm – hàng tiêu dùng – hàng xuất khẩu. - Đổi ngoại: tàng hữu nghì vợi tha với TC; từ năm 1990: rưu tiên giữ vững hòa bình và ptriên kte, thêm ban bởt thù, mở rộng hữu nghì vợi nguyên tắc bình đẳng và cùng có lợi Bồn giảm (bội chi ngân sách, tăng giá, lam phát, khó khán) 4/1987 HN TW 2 Bổn giảm (bội chi ngân sách, tăng giá, lam phát, khó khán) Khoán sản phần cuối cùng đến nhóm hộ và hộ xã viên (hơn khoán 100 ở việc đa dạng lĩnh vực và rõ ràng hơn) 3/1989 HN TW 6 Chí thị 10-CT/TW (khoán 10) HN TW 8 Chí thị độn đảng, dùng khái niệm hệ thống chính trị, đổi mới không phải là thay đổi mục tiều WHCN mà làm chơ nuọt tiệu đó được thực hiện tớ hơn Chính đốn đảng, phân tích tình hình các nước XHCN, đề ra nhiệm vụ mới, yêu cầu đổi mót tư duy, đặc biệt là về kinh tế Xốa bỏ tem phiếu, dư lương thực xuất khẩu 1988 Dại hội VII Đảng Trung Quốc ngừng chiến tranh BG Chù để: Đại hội của trí tuệ - đổi mới, dân chủ - kỷ cương – đoàn kết; TBT Đổ Mười - Lấy CN Mác-Lễ và TTHCM làm kim chỉ nam 1991 Cương lĩnh 1991 – cương lĩnh thứ 4, tra dối hàu cho, doàn kết quốc tế - Có 6 đặc trưng của XHCN (chưa có dân giàu nước mạnh công bằng dân chủ văn mình và nhà nước pháp quyên XHCN còa ND do ND vì ND do ĐCS lãn đạo - đế n 2011 mới có) - có 7 phương hướng xây dựng XHCN Đến năm 2000: VN ra khỏi khủng hoàng, ỗn định kư XH, vượt qua tình trang nước nghèo kém ptr, GDP năm 2000 gấp đổi so với TQ	0, 1000		
dộ lễn CNXH nền kte có nhiều thành phần (cầi tạo XHCN), phát huy vai trò của quy luật kinh tế XHCN), quy luật hàng — tiền (cơ chế quản lý KT) 12/1986 Dại hội VI Dại hội dổi mới toàn diện; TBT Nguyễn Văn Linh - Bốn bài học: 1. lấy dân làm gốc; 2. xuất phát tử thực tế và tốn trong quy luật khách quan; 3. kết hợp sm dân tộc + thời đại; 4. xây dựng đâng xứng tầm lãnh đạo - Đổi mới kinh tế: phát triển nhiều TP kinh tế, xóa bỏ quan liêu bao cấp chuyển sang hạch toán kinh doanh XHCN, ba chương trình kinh tế: lương thực thực phẩm – hàng tiêu dùng – hàng xuất khẩu. - Đổi mộcai: tăng hữu nghi hợp tác với Liên Xô và các nước XHCN, bthg hóa quan hệ với TQ; từ năm 1990: ưu tiên giữ vững hòa bình và ptriên kte, thêm bạn bót thủ, mở rộng hữu nghị với nguyên tắc bình đẳng và cùng có lợi 4/1987 HN TW 2 Bổn giảm (bội chỉ ngân sách, tăng giá, lạm phát, khó khān) Khóan sản phần cuối cùng đến nhóm hộ và hộ xã viên (hơn khoán 100 ở việc đa dạng lĩnh vực và rõ ràng hơn) 3/1989 HN TW 6 Chỉnh đốn đảng, dùng khái niệm hệ thống chính trị, đổi mới không phải là thay đổi mực tiêu XHCN mà làm cho mực tiêu đó được thực hiện tết hơn Chính đốn đảng, phân tích tình hình các nước XHCN, đề ra nhiệm vụ mới, yêu cầu đổi mới tư duy, đặc biệt là về kinh tế 3/1990 HN TW 8 Chi thị 10-CT/TW (khoán cho đảng, dùng khái niệm hệ thống chính trị, đổi mới không phải là thay đổi mực tiêu XHCN mà làm cho mực tiêu đó được thực hiện tết hơn Chính đốn đảng, phân tích tình hình các nước XHCN, đề ra nhiệm vụ mới, yêu cầu đổi mới tư duy, đặc biệt là về kinh tế 3/1990 Dại hội VII Đảng Chủ đề: Đại hội của trí tuệ - đổi mới, dân chủ - kỳ cương – đoàn kết; TBT Đỗ Mười - Láy CN Mác-Lê và TTHCM làm kim chỉ nam 1991 Cuơng lĩnh 1991 – cương lĩnh 2011) Chiến lược ởn định và phát triển kinh tế XH dến năm 2000: VN ra khỏi khủng hoảng, ốn định kế XH, vượt qua tình trang nước nghèo kém ptr, đDP năm 2000 gấp đổi so với TQ			
XHCN), phát huy vại trò của quy luật kinh tế XHCN, quy luật hàng – tiền (cơ chế quản lý KT)			
AHCN, quy luật hàng — tiền (cơ chế quản lý KT)			
12/1986 Dại hội VI - Đai hội đổi mới toàn diện; TBT Nguyễn Văn Linh - Bốn bài học: 1. lấy dân làm gốc; 2. xuất phát từ thực tế và tôn trọng quy luật khách quan; 3. kết hợp sm dân tộc + thời đại; 4. xây dựng đảng xứng tâm lãnh đạo - Đối mởi kinh tế: phát triển nhiều TP kinh tế, xóa bỗ quan liêu bao cấp chuyển sang hạch toán kinh doanh XHCN, ba chương trình kinh tế: lương thực thực phẩm – hàng tiêu dùng – hàng xuất khẩu Đối ngoại: tăng hữu nghị hợp tác với Liên Xô và các nước XHCN, bthg hóa quan hệ với TQ; từ năm 1990: ưu tiên giữ vững hòa bình và ptrien kte, thêm bạn bớt thủ, mở rộng hữu nghị với nguyên tắc bình đẳng và cùng có lợi Bốn giảm (bội chi ngân sách, tăng giá, lạm phát, khó khán) 4/1987 HN TW 2 Bổn giảm (bội chi ngân sách, tăng giá, lạm phát, khó khán) 4/1988 Chỉ thị 10-CT/TW (khoán 10) 5/1989 HN TW 6 Chỉnh đốn đảng, dùng khái niệm hệ thống chính trị, đỏi mới không phải là thay đổi mục tiêu XHCN) mà làm cho mục tiêu đó được thực hiện tốt hơn Na hàm cho mục tiêu đó được thực hiện tốt hơn Trung Quốc ngừng chiến tranh BG 6/1991 Dại hội VII Đảng 6/1991 Dại hội VII Đảng Cương lĩnh 1991 – cương lĩnh thứ 4 (trc đó là cương lĩnh đầu tiên 2/1030, luận cương 10/1930, chính cương của đảng Lao động 2/1951, về sau còn cương lĩnh đầu tiên 2/1030, luận cương 10/1930, chính cương của đảng Lao động 2/1951, về sau còn cương lĩnh đầu tiên 2/1030, luận cương 10/1930, chính cương của đảng Lao động 2/1951, về sau còn cương lĩnh đầu tiên 2/1030, luận cương 10/1930, chính cương của đảng Lao động 2/1951, về sau còn cương lĩnh đầu tiên 2/1030, luận cương 10/1930, chính cương của đảng Lao động 2/1951, về sau còn cương lĩnh đầu tiên 2/1030, luận cương 10/1930, chính cương của đảng Lao động 2/1951, về sau còn cương lĩnh thứ 4 Hợi chi chi chi cón có 10 kết thư cón họi chiến lược đồn lịnh và phát triển kinh tế XH định năm 2000 Sốp đạn bưở vàn minh và nhà nước pháp quyền XHCN của ND to ND vì ND do DCS lãnh đạo đến 2011 mới có) - có 7 phương hước ganh bộu dữa phản chống bằng đãn chủ vàn minh và nhà nước pháp quyền thực quả ti			
- Bổn bài học: 1. lấy dân làm gốc; 2. xuất phát từ thực tế và tồn trọng quy luật khách quan; 3. kết hợp sm dân tộc + thời đại; 4. xây dựng đảng xứng tầm lãnh đạo - Đổi mới kinh tế: phát triển nhiều TP kinh tế, xóa bỏ quan liêu bao cấp chuyển sang hạch toán kinh doanh XHCN, ba chương trình kinh tế: lương thực thực phẩm – hàng tiêu dùng – hàng xuất khẩu Đối ngoại: tăng hữu nghị hợp tác với Liên Xô và các nước XHCN, bthg hóa quan hệ với TQ; từ năm 1990: ưu tiên giữ vững hòa bình và ptrien kte, thêm bạn bờt thủ, mở rộng hữu nghị với nguyền tắc bình đẳng và cũng có lợi 4/1987 HN TW 2 Bổn giảm (bội chi ngân sách, tăng giá, lạm phát, khó khãn) 4/1988 Chỉ thị 10-CT/TW (khoán 10) Khoán sản phẩn cuối cùng đến nhóm hộ và hộ xã viên (hơn khoán 100 ở việc đa dạng lĩnh vực và rõ ràng hơn) 3/1989 HN TW 6 Chỉnh đốn đảng, dùng khái niệm hệ thống chính trị, đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu XHCN mà làm cho mục tiêu đó được thực hiện tốt hơn 3/1990 HN TW 8 Chính đốn đảng, phân tích tình hình các nước XHCN, đề ra nhiệm vụ mới, yêu cầu đổi mới tư duy, đặc biệt là về kinh tế 4/200 Bại hội VII Đảng Chính cương lĩnh thứ 4 (trc đó là cương lĩnh đầu tiên 2/1030, luận cương 10/1930, chính cương của đảng Lao động 2/1951, về sau còn cương lĩnh 2011) Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế XH đết năm 2000 Den năm 2000 VN ra khỏi khủng hoảng, ổn định kà XH đết năm 2000 Bình thường hóa quan hệ với TQ	12/1086	Đại bội VI	
thực tế và tôn trọng quy luật khách quan; 3. kết hợp sm dân tộc + thời đại; 4. Xây dựng đảng xứng tầm lãnh đạo - Đổi mới kinh tế: phát triển nhiều TP kinh tế, xóa bỏ quan liêu bao cấp chuyển sang hạch toán kinh doanh XHCN, ba chương trình kinh tế: lương thực thực phẩm – hàng tiêu dùng – hàng xuất khẩu Đổi ngoại: tăng hữu nghị hợp tác với Liên Xô và các nước XHCN, bthg hóa quan hệ với TQ; từ năm 1990: rư tiên giữ vững hòa bình và ptrien kte, thêm bạn bót thủ, mở rộng hữu nghị với nguyên tắc bình đẳng và cùng có lợi 4/1987 HN TW 2 Bổn giảm (bội chỉ ngần sách, tăng giá, lạm phát, khó khãn) 4/1988 Chỉ thị 10-CT/TW (khoán 10) 3/1989 HN TW 6 Chỉnh đốn đảng, dùng khái niệm hệ thống chính trị, đổi mới không phải là thay đổi mực tiêu XHCN mà làm cho mục tiêu đó được thực hiện tốt hơn 3/1990 HN TW 8 Chỉnh đốn đảng, phân tích tình hình các nước XHCN, đề ra nhiệm vụ mới, yêu cầu đổi mới tư duy, đặc biệt là về kinh tế 1988 Xóa bỏ tem phiếu, dư lương thực xuất khẩu Trung Quốc ngững chiến tranh BG 6/1991 Đại hội VII Đảng Chủ đối của trí tuệ - đổi mới, dân chủ - kỷ cương - doàn kết; TBT Đổ Mười - Lấy CN Mác-Lê và TTHCM làm kim chỉ nam - Bài học: giống so với ĐH VI nhưng cố thêm đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế - Có 6 đặc trưng của XHCN (chưa có dân giâu nước mạnh công bằng dân chủ văn minh và nhà nước pháp quyền XHCN) của ND do ND vì ND do CS lãnh đạo- đến 2011 mới có) - có 7 phương hướng xây dựng XHCN 5ên năm 2000 VN ra khỏi khủng hoảng, ổn định kta XH, dến năm 2000 gấp đối so với TQ	12/1900	Dại Họi VI	
hợp sm dân tộc + thời đại; 4. xây dựng đảng xứng tầm lãnh đạo - Đổi mới kinh tế; phát triển nhiều TP kinh tế, xóa bỏ quan liêu bao cấp chuyển sang hạch toán kinh doanh XHCN, ba chương trình kinh tế: lương thực thực phẩm – hàng tiêu dùng – hàng xuất khẩu. - Đổi ngoại: tàng hữu nghị hợp tác với Liên Xô và các nước XHCN, bthg hóa quan hệ với TQ; từ năm 1990: ưu tiên giữ vững hòa bình và ptrien kte, thêm bạn bốt thù, mở rộng hữu nghị với nguyên tắc bình đẳng và cùng có lợi 4/1987 HN TW 2 Bổn giảm (bội chỉ ngân sách, tăng giá, lạm phát, khó khân) 4/1988 Chỉ thị 10-CT/TW (khoán 10) Khoán sản phần cuối cùng đến nhóm hộ và hộ xã viên (hơn khoán 100 ở việc đa dạng lĩnh vực và rõ ràng hơn) 3/1989 HN TW 6 Chỉnh đốn đảng, dùng khái niệm hệ thống chính trị, đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu XHCN mà làm cho mục tiêu đó được thực hiện tốt hơn Chỉnh đốn đảng, phân tích tình hình các nước XHCN, đề ra nhiệm vụ mới, yêu cầu đối mới tư duy, đặc biệt là về kinh tế 1988 Trung Quốc ngững chiến tranh BG 6/1991 Đại hội VII Đảng 1991 Cương lĩnh đầu tiên 2/1030, luận cương 10/1930, chính cương của đảng Lao động 2/1951, về sau côn cương 10/1930, chính cương của đảng Lao động 2/1951, về sau côn cương lĩnh 2011) Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế XH đến năm 2000 Bồn năm 2000: VN ra khỏi khủng hoảng, ổn định kte XH, ướt quá tinh trạng nước nghèo kém ptr, đDP năm 2000 gấp đổi so với 1990 11/1991 Bình thường hóa quan hệ với TQ			
tầm lãnh đạo - Đổi mới kinh tế: phát triển nhiều TP kinh tế, xóa bỏ quan liệu bao cấp chuyển sang hạch toán kinh doanh XHCN, ba chương trình kinh tế: lương thực thực phẩm – hàng tiêu dùng – hàng xuất khẩu Đổi ngoại: tăng hữu nghị hợp tác với Liên Xô và các nước XHCN, bthg hóa quan hệ với TQ; từ năm 1990: ưu tiên giữ vững hòa bình và ptrien kte, thểm bạn bớt thù, mở rộng hữu nghị với nguyên tắc bình đẳng và cùng có lợi 4/1987 HN TW 2 Bổn giảm (bội chỉ ngần sách, tăng giá, lạm phát, khó khăn) 4/1988 Chỉ thị 10-CT/TW (khoán 10) Whóan sản phắn cuối cùng đến nhóm hộ và hộ xã viên (hơn khoán 100 ở việc đa dạng lĩnh vực và rõ ràng hơn) 3/1989 HN TW 6 Chỉnh đốn đảng, dùng khái niệm hệ thống chính trị, đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu XHCN mà làm cho mục tiêu đó được thực hiện tốt hơn Mà làm cho mục tiêu đó được thực hiện tốt hơn Chỉnh đốn đảng, phân tích tình hình các nước XHCN, đề ra nhiệm vụ mới, yêu cầu đổi mới tư duy, đạc biệt là về kinh tế 1988 Vóa bỏ tem phiếu, dư lương thực xuất khẩu 1989 Trung Quốc ngừng chiến tranh BG 6/1991 Đại hội VII Đảng Chủ đề: Đại hội của trí tuệ - đổi mới, dân chủ - kỳ cương - doàn kết; TBT Đỗ Mười - Lấy CN Mác-Lê và TTHCM làm kim chỉ nam 1991 Cương lĩnh 1991 - cương lĩnh 1991 - cương lĩnh dùn cương của dàng Lao động 2/1951, về sau côn cương lĩnh 2011) Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế XH dốn nặm 2000 11/1991 Đến năm 2000 11/1991 Đến màm 2000 gấp đổi so với TQ			
- Đổi mới kinh tế: phát triển nhiều TP kinh tế, xóa bỏ quan liêu bao cấp chuyển sang hạch toàn kinh doanh XHCN, ba chương trình kinh tế: lương thực thực phẩm – hàng tiêu dùng – hàng xuất khẩu. - Đổi ngoại: tăng hữu nghị hợp tác với Liên Xô và các nước XHCN, bitg hóa quan hệ với Liên Xô và các nước XHCN, bitg hóa quan hệ với Liên Xô và các nước XHCN, bitg hóa quan hệ với Tg, từ năm 1990: rư tiến giữ vững hòa bình và ptrien kte, thêm bạn bớt thù, mở rộng hữu nghị với nguyên tắc bình đẳng và cùng có lợi 4/1987 HN TW 2 Bổn giảm (bội chi ngân sách, tăng giá, lạm phát, khó khăn) 4/1988 Chỉ thị 10-CT/TW (khoán 10) Khoán sản phần cuối cùng đến nhóm hộ và hộ xã viên (hơn khoán 100 ở việc đa dạng lĩnh vực và rõ ràng hơn) 3/1989 HN TW 6 Chình đốn đảng, dùng khái niệm hệ thống chính trị, đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu XHCN mà làm cho mục tiêu đó được thực hiện tốt hơn làm cho mục tiêu đó được thực hiện tốt hơn làm cho mục tiêu đó được thực hiện tốt hơn làm kim cho mục tiêu đó được thực hiện tốt hơn làm kim cho mục tiêu đó được thực hiện tốt hơn làm kim cho mục tiêu đó được thực hiện tốt hơn làm kim cho mục tiêu đó được thực hiện tốt hơn làm kim cho mục tiêu đó được thực hiện tốt hơn làm cho mục tiêu đó được thực hiện tốt hơn làm cho mục tiêu đó được thực hiện tốt hơn làm cho mục tiêu đó được thực hiện tốt hơn làm cho mục tiêu đó được thực hiện tốt hơn làm cho mục tiêu đó được thực hiện tốt hơn làm chu chủ chu chủ học nước XHCN, đề ra nhiệm vụ mới, yêu cầu đổi mới tư duy, đặc biệt là về kinh tế Yốa bỏ tem phiếu, dư lương thực xuất khẩu Trung Quốc ngừng chiến tranh BG Chủ đề: Đại hội của trí tuệ - đổi mới, dân chủ - kỷ cương – đòan kết; TBT Đổ Mười - Lấy CN Mác-Lê và THCM làm kim chỉ nam 1991 Cương lĩnh 1991 – cương lĩnh đạo Lêu của XHCN chua có dân giàu nước mạnh công bằng dân chủ văn minh và nhà nước pháp quyền XHCN của ND do ND vì ND do ĐCS lãnh đạo-đến 2011 mới có) - có 7 phương hướng xâp dựng XHCN Đến năm 2000: VN ra khỏi khủng hoảng, ỗn định kte XH, vượt qua tinh trạng nước nghèo kém ptr, GĐP năm 2000			
bỏ quan liêu bao cấp chuyển sang hạch toán kinh doanh XHCN, ba chương trình kinh tế: lương thực thực phẩm – hàng tiêu dùng – hàng xuất khấu. - Đổi ngoại: tăng hữu nghị hợp tác với Liên Xô và các nước XHCN, bthg hóa quan hệ với TQ; từ năm 1990: ưu tiên giữ vững hòa binh và ptrien kte, thêm bạn bớt thù, mở rộng hữu nghị với nguyên tác bình đẳng và cùng có lợi 4/1987 HN TW 2 Bổn giảm (bội chi ngân sách, tăng giá, lạm phát, khó khán) 4/1988 Chỉ thị 10-CT/TW (khoán 10) Khoán sản phần cuối cùng đến nhóm hộ và hộ xã viên (hơn khoán 100 ở việc đa dạng lĩnh vực và rõ ràng hơn) 3/1989 HN TW 6 Chỉnh đốn đảng, dùng khái niệm hệ thống chính trị, đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu XHCN mà làm cho mục tiêu đó được thực hiện tốt hơn 3/1990 HN TW 8 Chỉnh đốn đảng, phân tích tình hình các nước XHCN, đề ra nhiệm vụ mới, yêu cầu đổi mới tư duy, đặc biệt là về kinh tế 1988 Xóa bỏ tem phiếu, dư lương thực xuất khẩu 1989 Chủ đề: Đại hội của trí tuệ - đổi mới, dân chủ - kỷ cương – đoàn kết; TBT Đỗ Mười - Lấy CN Mác-Lê và TTHCM làm kim chỉ nam 1991 Cương lĩnh 1991 — cương lĩnh thứ 4 (trc đó là cương lĩnh đàu tiên 2/1030, luận cương của đáng Lao động 2/1951, về sau còn cương lĩnh 2011) Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế XH đến năm 2000 11/1991 Bình thường hóa quan hệ với TQ 11/1991 Bình thường hóa quan hệ với TQ			· · · · · · · · · · · · · · · · · · ·
doanh XHCN, ba chương trình kinh tế: lương thực thực phẩm – hàng tiêu dùng – hàng xuất khẩu Đổi ngoại: tăng hữu nghị hợp tác với Liên Xô và các nước XHCN, bthg hóa quan hệ với TQ; từ năm 1990: ưu tiên giữ vững hòa bình và ptrien kte, thêm bạn bót thủ, mở rộng hữu nghị với nguyên tắc bình đẳng và cùng có lợi 4/1987 HN TW 2 Bốn giảm (bội chi ngân sách, tăng giá, lạm phát, khó khăn) 4/1988 Chỉ thị 10-CT/TW (khoán 10) Khoán sản phần cuối cùng đến nhóm hộ và hộ xã viên (hơn khoán 100 ở việc đa dạng lĩnh vực và rõ ràng hơn) 3/1989 HN TW 6 Chỉnh đốn đảng, dùng khái niệm hệ thống chính trị, đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu XHCN mà làm cho mục tiêu đó được thực hiện tốt hơn 3/1990 HN TW 8 Chỉnh đốn đảng, phân tích tình hình các nước XHCN, đẻ ra nhiệm vụ mới, yêu cầu đối mới tư duy, đặc biệt là về kinh tế 1988 Xốa bố tem phiếu, dư lương thực xuất khẩu 1989 Chủ đề: Đại hội của trí tuệ - đổi mới, dân chủ - kỳ cương - đoàn kết; TBT Đỗ Mười - Lây CN Mác-Lê và TTHCM làm kim chỉ nam 1991 Cương lĩnh 1991 - cương lĩnh thứ 4 (trc đó là cương lĩnh đàu tiên 2/1030, luận cương 10/1930, chính cương của đảng Lao động 2/1951, về sau còn cương lĩnh 2011) Chiến lược ổn định và phát triễn kinh tế XH đến năm 2000 11/1991 Bình thường hóa quan hệ với TQ			
thực phẩm – hàng tiêu dũng – hàng xuất khẩu. - Đối ngoại: tăng hữu nghị hợp tác với Liên Xô và các nước XHCN, bthg hóa quan hệ với TQ; từ năm 1990: ưu tiên giữ vững hòa bình và ptrien kte, thêm bạn bót thù, mở rộng hữu nghị với nguyên tắc bình đẳng và cùng có lợi Bốn giẩm (bội chi ngắn sách, tăng giá, lạm phát, khó khán) 4/1988 Chỉ thị 10-CT/TW (khoán 10) Khoán sản phần cuối cùng đến nhóm hộ và hộ xã viên (hơn khoán 100 ở việc đa dạng lĩnh vực và rõ ràng hơn) 3/1989 HN TW 6 Chỉnh đốn đảng, dùng khái niệm hệ thống chính trị, đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu XHCN mà làm cho mục tiêu đó được thực hiện tốt hơn 3/1990 HN TW 8 Chỉnh đốn đảng, phân tích tình hình các nước XHCN, đề ra nhiệm vụ mới, yêu cầu đổi mới tư duy, đặc biệt là về kinh té 1988 Xóa bỏ tem phiếu, dư lương thực xuất khẩu 1989 Trung Quốc ngừng chiến tranh BG 6/1991 Đại hội VII Đảng Chủ đề: Đại hội của trí tuệ - đổi mới, dân chủ - kỷ cương - đoàn kết; TBT Đỗ Mưới - Lấy CN Mác-Lê và TTHCM làm kim chỉ nam 1991 Cương lĩnh thứ 4 (trc đổ là cương lĩnh đầu tiên 2/1030, luận cương 10/1930, chính cương của đảng Lao động 2/1951, về sau còn cương lĩnh 2011) Chiến lược ổn định và phát triển kinh té XH đền năm 2000 ĐCS lãnh đạo- đến 2011 mới có) - có 7 phương hướng xây dựng XHCN Đến năm 2000: VN ra khỏi khủng hoàng, ỗn định kte XH, vượt qua tình trạng nước nghèo kém ptr, GDP năm 2000 gấp đổi so với TQ			
- Đối ngoại: tăng hữu nghị hợp tác với Liên Xô và các nước XHCN, bthg hóa quan hệ với TQ; từ năm 1990: ưu tiên giữ vững hòa bình và ptrien kte, thêm bạn bớt thù, mở rộng hữu nghị với nguyên tắc bình đẳng và cùng có lợi 4/1987 HN TW 2 Bổn giảm (bội chi ngân sách, tăng giá, lạm phát, khó khăn) 4/1988 Chỉ thị 10-CT/TW (khoán 10) Khoán sản phần cuối cùng đến nhóm hộ và hộ xã viên (hơn khoán 100 ở việc đa dạng lĩnh vực và rõ ràng hơn) 3/1989 HN TW 6 Chỉnh đồn đảng, dùng khái niệm hệ thống chính trị, đổi mởi không phải là thay đổi mục tiêu XHCN mà làm cho mục tiêu đó được thực hiện tốt hơn 3/1990 HN TW 8 Chỉnh đồn đảng, phân tích tình hình các nước XHCN, đề ra nhiệm vụ mới, yêu cầu đổi mới tư duy, đặc biệt là về kinh tế 1988 Xóa bỏ tem phiếu, dư lương thực xuất khẩu 1989 Trung Quốc ngừng chiến tranh BG 6/1991 Đại hội VII Đảng Chủ đế: Đại hội của trí tuệ - đổi mới, dân chủ - kỷ cương – đoàn kết; TBT Đỗ Mười - Lây CN Mác-Lê và TTHCM làm kim chỉ nam 1991 Cương lĩnh đầu tiên 2/1030, luận cương 10/1930, chính cương của đảng Lao động 2/1951, về sau còn cương lĩnh 2011) Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế XH đến năm 2000 Hồi năm 2000 gấp đổi so với 1990 Bình thường hóa quan hệ với TQ			
các nước XHCN, bthg hóa quan hệ với TQ; từ năm 1990: rư tiến giữ vững hòa bình và ptrien kte, thêm bạn bột thù, mở rộng hữu nghị với nguyên tắc bình đẳng và cùng có lợi 4/1987 HN TW 2 Bốn giảm (bội chi ngân sách, tăng giá, lạm phát, khó khăn) 4/1988 Chỉ thị 10-CT/TW (khoán 10) Khoán sân phần cuối cùng đến nhóm hộ và hộ xã viên (hơn khoán 100 ở việc đa dạng lĩnh vực và rõ ràng hơn) 3/1989 HN TW 6 Chỉnh đốn đảng, dùng khái niệm hệ thống chính trị, đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu XHCN mà làm cho mục tiêu đó được thực hiện tốt hơn 3/1990 HN TW 8 Chỉnh đốn đảng, phân tích tình hình các nước XHCN, đề ra nhiệm vụ mới, yêu cầu đổi mới tư duy, đặc biệt là về kinh tế 1988 Xóa bò tem phiếu, dư lương thực xuất khẩu Trung Quốc ngừng chiến tranh BG 6/1991 Đại hội VII Đảng Chủ đề: Đại hội của trí tuệ - đổi mới, dân chủ - kỳ cương – đoàn kết; TBT Đỗ Mười – Lấy CN Mác-Lê và TTHCM làm kim chỉ nam 1991 Cương lĩnh thủ 4 (trc đố là cương lĩnh đầu tiên 2/1030, luận cương 10/1930, chính cương của đảng Lao động 2/1951, về sau còn cương lĩnh 2011) Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế XH đện năm 2000 Bình thường hóa quan hệ với TQ			
năm 1990: ưu tiên giữ vững hòa bình và ptrien kte, thêm bạn bớt thủ, mở rộng hữu nghị với nguyên tắc bình đẳng và cùng có lợi 4/1987 HN TW 2 Bốn giảm (bội chi ngân sách, tăng giá, lạm phát, khó khán) 4/1988 Chỉ thị 10-CT/TW (khoán 10) Khoán sản phần cuối cùng đến nhóm hộ và hộ xã viên (hơn khoán 100 ở việc đa dạng lĩnh vực và rõ ràng hơn) 3/1989 HN TW 6 Chỉnh đốn đảng, dùng khái niệm hệ thống chính trị, đổi mới khống phải là thay đổi mục tiêu XHCN mà làm cho mục tiêu đó được thực hiện tốt hơn 3/1990 HN TW 8 Chỉnh đốn đảng, phân tích tình hình các nước XHCN, đề ra nhiệm vụ mới, yêu cầu đổi mới tư duy, đặc biệt là về kinh tế 1988 Xóa bỏ tem phiếu, dư lương thực xuất khẩu 1989 Trung Quốc ngừng chiến tranh BG 6/1991 Đại hội VII Đảng Chủ đề: Đại hội của trí tuệ - đổi mới, dân chủ - kỷ cương – đoàn kết; TBT Đỗ Mười - Lấy CN Mác-Lê và TTHCM làm kim chỉ nam 1991 Cương lĩnh đầu tiên 2/1030, luận cương 10/1930, chính cương của đảng Lao động 2/1951, về sau còn cương lĩnh 2011) Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế XH đến năm 2000 Bình thường hóa quan hệ với TQ			
thêm bạn bớt thù, mở rộng hữu nghị với nguyên tắc bình đẳng và cùng có lợi 4/1987 HN TW 2 Bốn giảm (bội chi ngân sách, tăng giá, lạm phát, khó khăn) 4/1988 Chỉ thị 10-CT/TW (khoán sản phần cuối cùng đến nhóm hộ và hộ xã viên (hơn khoán 100 ở việc đa dạng lĩnh vực và rõ ràng hơn) 3/1989 HN TW 6 Chính đốn đảng, dùng khái niệm hệ thống chính trị, đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu XHCN mà làm cho mục tiêu đó được thực hiện tốt hơn 3/1990 HN TW 8 Chính đốn đảng, phân tích tinh hình các nước XHCN, đề ra nhiệm vụ mới, yêu cầu đổi mới tư duy, đặc biệt là về kinh tế 1988 Xóa bỏ tem phiếu, dư lương thực xuất khẩu 1989 Trung Quốc ngừng chiến tranh BG 6/1991 Đại hội VII Đảng Chủ đề: Đại hội của trí tuệ - đổi mới, dân chủ - kỷ cương – đoàn kết; TBT Đỗ Mười - Lấy CN Mác-Lê và TTHCM làm kim chỉ nam 1991 Cương lĩnh 1991 – cương lĩnh thứ 4 (trc đó là cương lĩnh đầu tiên 2/1030, luận cương 10/1930, chính cương của đảng Lao động 2/1951, về sau còn cương lĩnh 2011) Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế XH đến năm 2000 Bình thường hóa quan hệ với TQ			
tắc bình đẳng và cùng có lợi 4/1987 HN TW 2 Bốn giảm (bội chi ngân sách, tăng giá, lạm phát, khó khăn) 4/1988 Chỉ thị 10-CT/TW (khoán 10) (khoán 10) 3/1989 HN TW 6 Chỉ thị 10-CT/TW (khoán 100 ở việc đa dạng lĩnh vực và rõ ràng hơn) 3/1989 HN TW 6 Chỉ thể đảng, chinh trị, đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu XHCN mà làm cho mục tiêu đó được thực hiện tốt hơn 3/1990 HN TW 8 Chỉnh đốn đảng, phân tích tình hình các nước XHCN, đề ra nhiệm vụ mới, yêu cầu đổi mới tư duy, đặc biệt là về kinh tế 1988 Xóa bỏ tem phiếu, dư lương thực xuất khẩu 1989 Trung Quốc ngừng chiến tranh BG 6/1991 Đại hội VII Đảng Chủ đề: Đại hội của trí tuệ - đổi mới, dân chủ - kỷ cương – đoàn kết; TBT Đỗ Mười - Lây CN Mác-Lê và TTHCM làm kim chỉ nam 1991 Cương lĩnh 1991 — cương lĩnh thứ 4 (trc đó là cương lĩnh đầu tiên 2/1030, luận cương 10/1930, chính cương của đảng Lao động 2/1951, về sau còn cương lĩnh 2011) Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế XH đến năm 2000 Bình thường hóa quan hệ với TQ			
4/1987HN TW 2Bốn giảm (bội chi ngẫn sách, tăng giá, lạm phát, khó khăn)4/1988Chỉ thị 10-CT/TW (khoán 10)Khoán sản phần cuối cùng đến nhóm hộ và hộ xã viên (hơn khoán 100 ở việc đa dạng lĩnh vực và rõ ràng hơn)3/1989HN TW 6Chính đốn đảng, dùng khái niệm hệ thống chính trị, đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu XHCN mà làm cho mục tiêu đó được thực hiện tốt hơn3/1990HN TW 8Chỉnh đốn đảng, phân tích tình hình các nước XHCN, dè ra nhiệm vụ mới, yêu cầu đổi mới tư duy, đặc biệt là về kinh tế1988Xóa bỏ tem phiếu, dư lương thực xuất khẩu1989Trung Quốc ngừng chiến tranh BG6/1991Đại hội VII ĐảngChủ đề: Đại hội của trí tuệ - đổi mới, dân chủ - kỷ cương - đoàn kết; TBT Đỗ Mười - Lấy CN Mác-Lê và TTHCM làm kim chỉ nam1991Cương lĩnh 1991 - cương lĩnh thứ 4 (trc đó là cương lĩnh đầu tiên 2/1030, luận cương 10/1930, chính cương của đảng Lao động 2/1951, về sau còn cương lĩnh 2011)- Bài học: giống so với ĐH VI nhưng có thêm đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế - Có 6 đặc trưng của XHCN (chưa có dân giàu nước mạnh công bằng dân chủ văn minh và nhà nước pháp quyền XHCN của ND do ND vì ND do ĐCS lãnh đạo- đến 2011 mới có) - có 7 phương hướng xây dựng XHCNChiến lược ổn định và phát triển kinh tế XH đến năm 2000Đến năm 2000: VN ra khỏi khủng hoảng, ổn định kte XH, vượt qua tình trạng nước nghèo kém ptr, GDP năm 2000 gấp đôi so với 199011/1991Bình thường hóa quan hệ với TQ			
Khó khăn)	4/4007	LINE TIME	
4/1988Chỉ thị 10-CT/TW (khoán 10)Khoán sẩn phẩn cuối cùng đến nhóm hộ và hộ xã viên (hơn khoán 100 ở việc đa dạng lĩnh vực và rõ ràng hơn)3/1989HN TW 6Chỉnh đốn đảng, dùng khái niệm hệ thống chính trị, đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu XHCN mà làm cho mục tiêu đó được thực hiện tốt hơn3/1990HN TW 8Chỉnh đốn đảng, phân tích tình hình các nước XHCN, đề ra nhiệm vụ mới, yêu cầu đổi mới tư duy, đặc biệt là về kinh tế1988Xóa bỏ tem phiếu, dư lương thực xuất khẩu1989Trung Quốc ngừng chiến tranh BG6/1991Đại hội VII ĐảngChủ đề: Đại hội của trí tuệ - đổi mới, dân chủ - kỳ cương - đoàn kết; TBT Đỗ Mười - Lấy CN Mác-Lê và TTHCM làm kim chỉ nam1991Cương lĩnh 1991 - cương lĩnh thứ 4 (trc đó là cương lĩnh đầu tiên 2/1030, luận cương 2/1931, về sau còn cương lĩnh 2011)Bài học: giống so với ĐH VI nhưng có thêm đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế - Có 6 đặc trưng của XHCN (chưa có dân giàu nước mạnh công bằng dân chủ văn minh và nhà nước pháp quyền XHCN của ND do ND vì ND do ĐCS lãnh đạo- đến 2011 mới có) - có 7 phương hướng xây dựng XHCN50 En năm 2000: VN ra khởi khủng hoảng, ổn định kte XH, vượt qua tình trạng nước nghèo kém ptr, GDP năm 2000 gấp đổi so với 199011/1991Bình thường hóa quan hệ với TQ	4/1987	HN IW 2	
(khoán 10)viên (hơn khoán 100 ở việc đa dạng lĩnh vực và rõ ràng hơn)3/1989HN TW 6Chỉnh đốn đảng, dùng khái niệm hệ thống chính trị, đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu XHCN mà làm cho mục tiêu đó được thực hiện tốt hơn3/1990HN TW 8Chỉnh đốn đảng, phân tích tình hình các nước XHCN, đề ra nhiệm vụ mới, yêu cầu đổi mới tư duy, đặc biệt là về kinh tế1988Xóa bỏ tem phiếu, dư lương thực xuất khẩu1989Trung Quốc ngừng chiến tranh BG6/1991Đại hội VII ĐảngChủ đề: Đại hội của trí tuệ - đổi mới, dân chủ - kỷ cương - đoàn kết; TBT Đỗ Mười - Lấy CN Mác-Lê và TTHCM làm kim chỉ nam1991Cương lĩnh 1991 - cương lĩnh thứ 4 (trc đó là cương lĩnh đàu tiên 2/1030, luận cương 10/1930, chính cương của đảng Lao động 2/1951, về sau còn cương lĩnh 2011)Bài học: giống so với ĐH VI nhưng có thêm đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế - Có 6 đặc trưng của XHCN (chưa có dân giàu nước mạnh công bằng dân chủ văn minh và nhà nước pháp quyền XHCN của ND do ND vì ND do ĐCS lãnh đạo- đến 2011 mới có) - có 7 phương hướng xây dựng XHCNChiến lược ổn định và phát triển kinh tế XH đến năm 2000Đến năm 2000: VN ra khỏi khủng hoảng, ổn định kte XH, vượt qua tình trạng nước nghèo kém ptr, GDP năm 2000 gấp đôi so với 199011/1991Bình thường hóa quan hệ với TQ	1/1000	013111100000000	
ràng hơn) 3/1989 HN TW 6 Chỉnh đốn đảng, dùng khái niệm hệ thống chính trị, đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu XHCN mà làm cho mục tiêu đó được thực hiện tốt hơn 3/1990 HN TW 8 Chỉnh đốn đảng, phân tích tình hình các nước XHCN, đề ra nhiệm vụ mới, yêu cầu đổi mới tư duy, đặc biệt là về kinh tế 1988 Xóa bỏ tem phiếu, dư lương thực xuất khẩu 1989 Trung Quốc ngừng chiến tranh BG 6/1991 Đại hội VII Đảng Chủ đề: Đại hội của trí tuệ - đổi mới, dân chủ - kỷ cương – đoàn kết; TBT Đỗ Mười - Lấy CN Mác-Lê và TTHCM làm kim chỉ nam 1991 Cương lĩnh 1991 — cương lĩnh thứ 4 (trc đó là cương lĩnh đầu tiên 2/1030, luận cương 10/1930, chính cương của đảng Lao động 2/1951, về sau còn cương lĩnh 2011) Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế XH đến năm 2000 11/1991 Bình thường hóa quan hệ với TQ	4/1988		
3/1989 HN TW 6 Chỉnh đốn đảng, dùng khái niệm hệ thống chính trị, đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu XHCN mà làm cho mục tiêu đó được thực hiện tốt hơn 3/1990 HN TW 8 Chỉnh đốn đảng, phân tích tình hình các nước XHCN, đề ra nhiệm vụ mới, yêu cầu đổi mới tư duy, đặc biệt là về kinh tế 1988 Xóa bỏ tem phiếu, dư lương thực xuất khẩu 1989 Trung Quốc ngừng chiến tranh BG 6/1991 Đại hội VII Đảng Chủ đề: Đại hội của trí tuệ - đổi mới, dân chủ - kỷ cương – đoàn kết; TBT Đỗ Mười - Lấy CN Mác-Le và TTHCM làm kim chỉ nam 1991 Cương lĩnh 1991 – cương lĩnh thứ 4 (trc đó là cương lĩnh đầu tiên 2/1030, luận cương 10/1930, chính cương của đảng Lao động 2/1951, về sau còn cương lĩnh 2011) Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế XH đến năm 2000 Bình thường hóa quan hệ với TQ Chỉnh đốn đảng, dùng khái niệm hệ thống chính trị, đổi mợi không phải là thay đổi mục tiêu XHCN (chưa cáu đồi mức tư duy, đặc biệt là về kinh tế Xóa bỏ tem phiếu, dư lương thực xuất khẩu Trung Quốc ngừng chiến tranh BG Chủ đề: Đại hội của trí tuệ - đổi mới, dân chủ - kỷ cương – đôn kết; TBT Đỗ Mười - Lấy CN Mác-Le và TTHCM làm kim chỉ nam - Bài học: giống so với ĐH VI nhưng có thêm đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế - Có 6 đặc trưng của XHCN (chưa có dân giàu nước mạnh công bằng dân chủ văn minh và nhà nước pháp quyền XHCN của ND do ND vì ND do ĐCS lãnh đạo- đến 2011 mới có) - có 7 phương hướng xây dựng XHCN Đến năm 2000: VN ra khỏi khủng hoảng, ổn định kte XH, vượt qua tình trạng nước nghèo kém ptr, GDP năm 2000 gấp đôi so với 1990		(khoán 10)	
trị, đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu XHCN mà làm cho mục tiêu đó được thực hiện tốt hơn 3/1990 HN TW 8 Chỉnh đốn đảng, phân tích tình hình các nước XHCN, đề ra nhiệm vụ mới, yêu cầu đổi mới tư duy, đặc biệt là về kinh tế 1988 Trung Quốc ngừng chiến tranh BG 6/1991 Đại hội VII Đảng Chủ đề: Đại hội của trí tuệ - đổi mới, dân chủ - kỷ cương – đoàn kết; TBT Đỗ Mười - Lấy CN Mác-Lê và TTHCM làm kim chỉ nam 1991 Cương lĩnh 1991 – cương lĩnh thú 4 (trc đó là cương lĩnh đàu tiên 2/1030, luận cương 10/1930, chính cương của đảng Lao động 2/1951, về sau còn cương lĩnh và phát triển kinh tế XH đến năm 2000 Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế XH đến năm 2000 Bình thường hóa quan hệ với TQ	0/1000	1.01.704.0	<u> </u>
mà làm cho mục tiêu đó được thực hiện tốt hơn 3/1990 HN TW 8 Chỉnh đốn đảng, phân tích tình hình các nước XHCN, đề ra nhiệm vụ mới, yêu cầu đổi mới tư duy, đặc biệt là về kinh tế 1988 Sóa bỏ tem phiếu, dư lương thực xuất khẩu Trung Quốc ngừng chiến tranh BG 6/1991 Đại hội VII Đảng Chủ đề: Đại hội của trí tuệ - đổi mới, dân chủ - kỷ cương – đoàn kết; TBT Đỗ Mười - Lấy CN Mác-Lê và TTHCM làm kim chỉ nam 1991 Cương lĩnh 1991 – cương lĩnh thứ 4 (trc đó là cương lĩnh đầu tiên 2/1030, luận cương 10/1930, chính cương của đảng Lao động 2/1951, về sau còn cương lĩnh 2011) Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế XH đến năm 2000 Bình thường hóa quan hệ với TQ	3/1989	HN IW 6	
3/1990 HN TW 8 Chỉnh đốn đảng, phân tích tình hình các nước XHCN, đề ra nhiệm vụ mới, yêu cầu đổi mới tư duy, đặc biệt là về kinh tế 1988 Sốa bỏ tem phiếu, dư lương thực xuất khẩu Trung Quốc ngừng chiến tranh BG 6/1991 Đại hội VII Đảng Chủ đề: Đại hội của trí tuệ - đổi mới, dân chủ - kỷ cương – đoàn kết; TBT Đỗ Mười - Lấy CN Mác-Lê và TTHCM làm kim chỉ nam Cương lĩnh thứ 4 (trc đó là cương lĩnh đầu tiên 2/1030, luận cương 10/1930, chính cương của đảng Lao động 2/1951, về sau còn cương lĩnh 2011) Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế XH đến năm 2000 T1/1991 HN TW 8 Chỉnh đốn đảng, phân tích tình hình các nước XHCN, đề ra nhiệm vụ mới, yêu cầu đểi tương thực xuất khẩu Trung Quốc ngừng chiến tranh BG Chủ đề: Đại hội của trí tuệ - đổi mới, dân chủ - kỷ cương - đoàn kết; TBT Đỗ Mười - Lấy CN Mác-Lê và TTHCM làm kim chỉ nam - Bài học: giống so với ĐH VI nhưng có thêm đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế - Có 6 đặc trưng của XHCN (chưa có dân giàu nước mạnh công bằng dân chủ văn minh và nhà nước pháp quyền XHCN của ND do ND vì ND do ĐCS lãnh đạo- đến 2011 mới có) - có 7 phương hướng xây dựng XHCN Dến năm 2000: VN ra khỏi khủng hoảng, ổn định kte XH, vượt qua tình trạng nước nghèo kém ptr, GDP năm 2000 gấp đôi so với 1990 Bình thường hóa quan hệ với TQ			
XHCN, đề ra nhiệm vụ mới, yêu cầu đổi mới tư duy, đặc biệt là về kinh tế 1988 1989 5/1991 Dại hội VII Đảng Chủ đề: Đại hội của trí tuệ - đổi mới, dân chủ - kỷ cương – đoàn kết; TBT Đỗ Mười – Lấy CN Mác-Lê và TTHCM làm kim chỉ nam Cương lĩnh 1991 – cương lĩnh thứ 4 (trc đó là cương lĩnh đầu tiên 2/1030, luận cương của đảng Lao động 2/1951, về sau còn cương lĩnh và phát triển kinh tế XH đến năm 2000 XHCN, đề ra nhiệm vụ mới, yêu cầu đổi mới tư duy, đặc biệt là về kinh tế Xóa bỏ tem phiếu, dư lương thực xuất khẩu Trung Quốc ngừng chiến tranh BG Chủ đề: Đại hội của trí tuệ - đổi mới, dân chủ - kỷ cương – đoàn kết; TBT Đỗ Mười – Lấy CN Mác-Lê và TTHCM làm kim chỉ nam - Bài học: giống so với ĐH VI nhưng có thêm đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế - Có 6 đặc trưng của XHCN (chưa có dân giàu nước mạnh công bằng dân chủ văn minh và nhà nước pháp quyền XHCN của ND do ND vì ND do ĐCS lãnh đạo- đến 2011 mới có) - có 7 phương hướng xây dựng XHCN Dến năm 2000: VN ra khỏi khủng hoảng, ổn định kte XH, vượt qua tình trạng nước nghèo kém ptr, GDP năm 2000 gấp đôi so với 1990 11/1991	0/1000	1.01.704.0	
duy, đặc biệt là về kinh tế Xóa bỏ tem phiếu, dư lương thực xuất khẩu Trung Quốc ngừng chiến tranh BG 6/1991 Đại hội VII Đảng Chủ đề: Đại hội của trí tuệ - đổi mới, dân chủ - kỷ cương - đoàn kết; TBT Đỗ Mười - Lấy CN Mác-Lê và TTHCM làm kim chỉ nam - Bài học: giống so với ĐH VI nhưng có thêm đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế - Có 6 đặc trưng của XHCN (chưa có dân giàu nước mạnh công bằng dân chủ văn minh và nhà nước pháp quyền XHCN của ND do ND vì ND do - Cứơng lĩnh 2011) Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế XH đến năm 2000 Bình thường hóa quan hệ với TQ	3/1990	HN IW 8	Chính đồn đáng, phần tích tính hình các nước
1988 1989 Dại hội VII Đảng Chủ đề: Đại hội của trí tuệ - đổi mới, dân chủ - kỷ cương – đoàn kết; TBT Đỗ Mười Lấy CN Mác-Lê và TTHCM làm kim chỉ nam Cương lĩnh 1991 – cương lĩnh thứ 4 (trc đó là cương lĩnh đầu tiên 2/1030, luận cương 10/1930, chính cương của đảng Lao động 2/1951, về sau còn cương lĩnh 2011) Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế XH đến năm 2000 11/1991 Xóa bỏ tem phiếu, dư lương thực xuất khẩu Trung Quốc ngừng chiến tranh BG Chủ đề: Đại hội của trí tuệ - đổi mới, dân chủ - kỷ cương - đòan kết; TBT Đỗ Mười - Lấy CN Mác-Lê và TTHCM làm kim chỉ nam - Bài học: giống so với ĐH VI nhưng có thêm đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế - Có 6 đặc trưng của XHCN (chưa có dân giàu nước mạnh công bằng dân chủ văn minh và nhà nước pháp quyền XHCN của ND do ND vì ND do ĐCS lãnh đạo- đến 2011 mới có) - có 7 phương hướng xây dựng XHCN Đến năm 2000: VN ra khỏi khủng hoảng, ổn định kte XH, vượt qua tình trạng nước nghèo kém ptr, GDP năm 2000 gấp đôi so với 1990			
Trung Quốc ngừng chiến tranh BG 6/1991 Đại hội VII Đảng Chủ đề: Đại hội của trí tuệ - đổi mới, dân chủ - kỷ cương – đoàn kết; TBT Đỗ Mười - Lấy CN Mác-Lê và TTHCM làm kim chỉ nam 1991 Cương lĩnh 1991 – cương lĩnh thứ 4 (trc đó là cương lĩnh đầu tiên 2/1030, luận cương 10/1930, chính cương của đảng Lao động 2/1951, về sau còn cương lĩnh 2011) Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế XH đến năm 2000 11/1991 Trung Quốc ngừng chiến tranh BG Chủ đề: Đại hội của trí tuệ - đổi mới, dân chủ - kỷ cương – đón Wci TQ - Bài học: giống so với ĐH VI nhưng có thêm đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế - Có 6 đặc trưng của XHCN (chưa có dân giàu nước mạnh công bằng dân chủ văn minh và nhà nước pháp quyền XHCN của ND do ND vì ND do ĐCS lãnh đạo- đến 2011 mới có) - có 7 phương hướng xây dựng XHCN Đến năm 2000: VN ra khỏi khủng hoảng, ổn định kte XH, vượt qua tình trạng nước nghèo kém ptr, GDP năm 2000 gấp đôi so với 1990 Bình thường hóa quan hệ với TQ			
6/1991 Đại hội VII Đảng Chủ đề: Đại hội của trí tuệ - đổi mới, dân chủ - kỷ cương – đoàn kết; TBT Đỗ Mười - Lấy CN Mác-Lê và TTHCM làm kim chỉ nam 1991 Cương lĩnh 1991 – cương lĩnh thứ 4 (trc đó là cương lĩnh đầu tiên 2/1030, luận cương 10/1930, chính cương của đảng Lao động 2/1951, về sau còn cương lĩnh 2011) Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế XH đến năm 2000 11/1991 Dại hội của trí tuệ - đổi mới, dân chủ - kỷ cương – đoàn kết; TBT Đỗ Mười - Lấy CN Mác-Lê và TTHCM làm kim chỉ nam - Bài học: giống so với ĐH VI nhưng có thêm đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế - Có 6 đặc trưng của XHCN (chưa có dân giàu nước mạnh công bằng dân chủ văn minh và nhà nước pháp quyền XHCN của ND do ND vì ND do ĐCS lãnh đạo- đến 2011 mới có) - có 7 phương hướng xây dựng XHCN Dến năm 2000: VN ra khỏi khủng hoảng, ổn định kte XH, vượt qua tình trạng nước nghèo kém ptr, GDP năm 2000 gấp đôi so với 1990 11/1991			
cương – đoàn kết; TBT Đỗ Mười - Lấy CN Mác-Lê và TTHCM làm kim chỉ nam 1991 Cương lĩnh 1991 – cương lĩnh thứ 4 (trc đó là cương lĩnh đầu tiên 2/1030, luận cương 10/1930, chính cương của đảng Lao động 2/1951, về sau còn cương lĩnh 2011) Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế XH đến năm 2000 Cương – đoàn kết; TBT Đỗ Mười - Lấy CN Mác-Lê và TTHCM làm kim chỉ nam (chiến lợc có thêm đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế - Có 6 đặc trưng của XHCN (chưa có dân giàu nước mạnh công bằng dân chủ văn minh và nhà nước pháp quyền XHCN của ND do ND vì ND do ĐCS lãnh đạo- đến 2011 mới có) - có 7 phương hướng xây dựng XHCN Đến năm 2000: VN ra khỏi khủng hoảng, ổn định kte XH, vượt qua tình trạng nước nghèo kém ptr, GDP năm 2000 gấp đôi so với 1990 Bình thường hóa quan hệ với TQ		-	0 0
- Lấy CN Mác-Lê và TTHCM làm kim chỉ nam Cương lĩnh 1991 — cương lĩnh thứ 4 (trc đó là cương lĩnh đầu tiên 2/1030, luận cương 10/1930, chính cương của đảng Lao động 2/1951, về sau còn cương lĩnh 2011) Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế XH đến năm 2000 - Lấy CN Mác-Lê và TTHCM làm kim chỉ nam - Bài học: giống so với ĐH VI nhưng có thêm đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế - Có 6 đặc trưng của XHCN (chưa có dân giàu nước mạnh công bằng dân chủ văn minh và nhà nước pháp quyền XHCN của ND do ND vì ND do ĐCS lãnh đạo- đến 2011 mới có) - có 7 phương hướng xây dựng XHCN - bến năm 2000: VN ra khỏi khủng hoảng, ổn định kte XH, vượt qua tình trạng nước nghèo kém ptr, GDP năm 2000 gấp đôi so với 1990 Bình thường hóa quan hệ với TQ	6/1991	Đại hội VII Đáng	
1991 Cương lĩnh 1991 – cương lĩnh thứ 4 (trc đó là cương lĩnh đầu tiên 2/1030, luận cương 10/1930, chính cương của đảng Lao động 2/1951, về sau còn cương lĩnh 2011) Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế XH đến năm 2000 Cương lĩnh 1991 – cương lĩnh 1991 – chiến lược ởn định và phát triển kinh tế XH đến năm 2000 - Bài học: giống so với ĐH VI nhưng có thêm đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế - Có 6 đặc trưng của XHCN (chưa có dân giàu nước mạnh công bằng dân chủ văn minh và nhà nước pháp quyền XHCN của ND do ND vì ND do ĐCS lãnh đạo- đến 2011 mới có) - có 7 phương hướng xây dựng XHCN - Có 6 đặc trưng của XHCN (chưa có dân giàu nước mạnh công bằng dân chủ văn minh và nhà nước pháp quyền XHCN của ND do ND vì ND do ĐCS lãnh đạo- đến 2011 mới có) - có 7 phương hướng xây dựng XHCN - Bài học: giống so với ĐH VI nhưng có thêm đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế - Có 6 đặc trưng của XHCN (chưa có dân giàu nước mạnh công bằng dân chủ văn minh và nhà nước pháp quyền XHCN của ND do ND vì ND do ĐCS lãnh đạo- đến 2011 mới có) - có 7 phương hướng xây dựng XHCN - Có 7 phương hướng xây dựng			, •
cương lĩnh thứ 4 (trc đó là cương lĩnh đầu tiên 2/1030, luận cương 10/1930, chính cương của đảng Lao động 2/1951, về sau còn cương lĩnh 2011) Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế XH đến năm 2000 Cương lĩnh thứ 4 (trc đó là cương lĩnh 4 (trc đó là cương của XHCN (chưa có dân giàu nước mạnh công bằng dân chủ văn minh và nhà nước pháp quyền XHCN của ND do ND vì ND do ĐCS lãnh đạo- đến 2011 mới có) - có 7 phương hướng xây dựng XHCN Đến năm 2000: VN ra khỏi khủng hoảng, ổn định kte XH, vượt qua tình trạng nước nghèo kém ptr, GDP năm 2000 gấp đôi so với 1990 Bình thường hóa quan hệ với TQ			
dó là cương lĩnh đầu tiên 2/1030, luận cương 10/1930, chính cương của đảng Lao động 2/1951, về sau còn cương lĩnh 2011) Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế XH đến năm 2000 11/1991 - Có 6 đặc trưng của XHCN (chưa có dân giàu nước mạnh công bằng dân chủ văn minh và nhà nước pháp quyền XHCN của ND do ND vì ND do ĐCS lãnh đạo- đến 2011 mới có) - có 7 phương hướng xây dựng XHCN - có 7 phương hướng xây dựng XHCN - có 7 phương hướng xây dựng NHCN - có 7 phương hướng xây dựng N	1991	•	
tiên 2/1030, luận cương 10/1930, chính cương của đảng Lao động 2/1951, về sau còn cương lĩnh 2011) Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế XH đến năm 2000 T1/1991 nước mạnh công bằng dân chủ văn minh và nhà nước pháp quyền XHCN của ND do ND vì ND do ĐCS lãnh đạo- đến 2011 mới có) - có 7 phương hướng xây dựng XHCN Đến năm 2000: VN ra khỏi khủng hoảng, ổn định kte XH, vượt qua tình trạng nước nghèo kém ptr, GDP năm 2000 gấp đôi so với 1990 Bình thường hóa quan hệ với TQ			
cương 10/1930, chính cương của đảng Lao động 2/1951, về sau còn cương lĩnh 2011) Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế XH đến năm 2000 11/1991 Cương 10/1930, chính nước pháp quyền XHCN của ND do ND vì ND do ĐCS lãnh đạo- đến 2011 mới có) - có 7 phương hướng xây dựng XHCN		<u> </u>	
cương của đảng Lao động 2/1951, về sau còn cương lĩnh 2011) Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế XH đến năm 2000 Đến năm 2000: VN ra khỏi khủng hoảng, ổn định kte XH, vượt qua tình trạng nước nghèo kém ptr, GDP năm 2000 gấp đôi so với 1990 Bình thường hóa quan hệ với TQ			
dộng 2/1951, về sau còn cương lĩnh 2011) Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế XH đến năm 2000 Thiên lược ổn định và phát triển kinh tế XH đến năm 2000 Bình thường hóa quan hệ với TQ		•	
còn cương lĩnh 2011) Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế XH đến năm 2000 GDP năm 2000 gấp đôi so với 1990 Bình thường hóa quan hệ với TQ			
Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế XH đến năm 2000: VN ra khỏi khủng hoảng, ổn định kte XH, vượt qua tình trạng nước nghèo kém ptr, GDP năm 2000 gấp đôi so với 1990 11/1991 Bình thường hóa quan hệ với TQ			- có 7 phương hướng xây dựng XHCN
phát triển kinh tế XH kte XH, vượt qua tình trạng nước nghèo kém ptr, đến năm 2000 GDP năm 2000 gấp đôi so với 1990 11/1991 Bình thường hóa quan hệ với TQ			
dến năm 2000 GDP năm 2000 gấp đôi so với 1990 11/1991 Bình thường hóa quan hệ với TQ			Đến năm 2000: VN ra khỏi khủng hoảng, ổn định
11/1991 Bình thường hóa quan hệ với TQ			
U I I		đến năm 2000	GDP năm 2000 gấp đôi so với 1990
6/1992 HN TW 3 - tự đổi mới chỉnh đốn đảng			
	6/1992	HN TW 3	- tự đổi mới chỉnh đốn đảng

		mus ODANI
		- nvu QPAN
		- đối ngoại: đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ trên nguyên tắc tôn trọng độc lập chủ quyền toàn
		vẹn lãnh thỗ và đôi bên cùng có lợi.
6/1002	HN TW5	
6/1993		Nông nghiệp: đưa nông nghiệp và nông thôn tiến nhanh hơn
7/1994	HN TW7	Công nghiệp: CNH-HDH đất nước, xây dựng GCCN thời đai mới.
1/1994	HN giữa nhiệm kỳ	- Thời cơ: đường lối đúng đắn, nhân dân yêu
		nước tin đảng, lực lg vũ trang trung thành, có
		thành tựu trong đổi mới
		- Nguy cơ: tụt hậu kte, chệch hướng XHCN, tham
		nhũng quan liêu, diễn biến hòa bình
		- Lần đầu khẳng định nhà nước pháp quyền của ND do ND vì ND
		- Con người là nhân tố quyết định, động lực to lớn
		nhất, chủ thế sáng tạo của mọi nguồn của cải vật chất tinh thần, hạnh phúc con người là mục tiêu
		phần đấu cao nhất.S
20/7/1005		
28/7/1995 11/7/1995		Tham gia ASEAN Bình thường hóa và thiết lập quan hệ ngoại giao
11/7/1995		với Mỹ
28/7/1994		Phê chuẩn công ước luật biển 1982 của LHQ
6/1996	Đại hội VIII Đảng	- Chủ đề: Tiếp tục sự nghiệp đổi mới, đẩy mạnh
0/1990	Dại Họi VIII Đang	CNH-HĐH vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã
		hội công bằng, văn minh, vững bước đi lên CNXH;
		TBT Đỗ Mười
		- Nhận định: cơ bản thoát ra khỏi khủng hoảng KT-
		XH, thoát khỏi thế bị bao vây, tiền đề cho CNH cơ
		bản hoàn thành => đã đủ để tiến hành HDH, tuy
		nhiên vẫn là nc nghèo kém ptr và XH còn nhiều
		vấn đề
		- Quan điểm CNH-HDH: 1. độc lập tự chủ đi đôi
		với mở rộng quan hệ quốc tế, dựa vào nguồn lực
		trong nước là chính đi đôi với tranh thủ tối đa
		nguồn lực bên ngoài. 2. KT NHÀ NƯỚC giữ vai trò
		chủ đạo 3. phát huy nguồn lực CON NGƯỜI là
		yếu tố cơ bản cho phát triển nhanh và bền vững.
		4. Khoa học công nghệ là động lực CNH-HDH, kết
		hợp truyền thống vs hiện đại, 5,6 không quan
		trọng nên thôi.
		=> Bước đầu đẩy mạnh CNH HDH.
	HN 4	Cụ thể hóa đường đi CNH HDH
	HN 6 lần 1	Vấn đề phát triển nông nghiệp nông thôn
	HN 3	Phát huy quyền làm chủ của nhân dân và xây
		dựng nhà nc CHXHCNVN trong sạch vững mạnh
	HN 4 lần 2	Chiến lược về cán bộ để đẩy mạnh CNH HDH
	HN 6	Một số vấn đề cấp bách trong xây dựng đảng
	HN 7	Xác định rõ hơn chức năng nhiệm vụ của các tổ
	Oh? thi oo OT/TM/	chức từ TW đến địa phg
	Chỉ thị 30-CT/TW	Quy chế dân chủ để tránh mất dân chủ nghiêm
	LINIO	trọng đang xảy ra ở 1 số địa phương
	HN 2	2 nghị quyết về GD và Công nghệ
	HN 5 quan trọng	5 quan điểm phát triển văn hóa:

- VH là nền tảng tinh thần của XḤ, vừa là mục tiêu,
vừa là động lực thúc đẩy phát triển KT-HX
- Xây dựng nền VH tiên tiến đậm đà bản sắc dtoc
- đội ngũ trí thức có vai trò quan trọng
- xây dựng VH là 1 mặt trận, xây dựng ptr VH là 1
sự nghiệp CM lâu dài.
- còn lai k quan trong.

Phong trào đồng khởi ý nghĩa quan trọng là gì? chuyển từ phòng thủ sang chủ động tấn công

Đại hội trung ương lần thứ mấy phát động phong trào Đồng Khởi? Hội nghị 15 của ĐH II

Việt Nam phần đấu đến giữa thế kỷ 21, mục tiêu đến năm 50 trở thành gì? nc phát triển thu nhập cao

Tư tưởng Hồ Chí minh được bổ sung và hoàn thiện trong đại hội mấy? đh II

"Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác.." đại hội nào? IX theo lời TD

Đại hội nào rút kinh nghiệm từ sai lầm trong 10 năm đầu đổi mới (1976-1986) đại hội VI 12/1986

"Cách mạng thổ địa là cốt của tư sản dân quyền" trong tài liệu nào? luận cương 10/1930 trần phú

Sự chủ động của Đảng trong chiến dịch Việt Bắc Thu Đông vs Biên Giới VB: pháp chủ động, BG VN chủ động

Phẩm chất nào của công dân không được nhắc đến ? yêu nước, nhân ái, nghĩa tình, trung thực, đoàn kết, cần cù, sáng tạo

Điền từ: văn hóa là, là ... ? Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế-xã hội

Đại hội 5 coi là mặt trận hàng đầu? nông nghiệp

Đảng phát động chuyển hướng phát triển kinh tế miền Bắc chống Mỹ trong cuộc chiến tranh nào? CT cục bộ

Nội dung nào không phản ánh đúng vai trò Việt Minh? đưa ra các chủ trg đường lối

Ưu điểm về giải quyết vấn đề dân tộc trong hội nghị 8 (5-1941) so với hội nghị tw6: chia vấn đề thành của từng nước

Nhận định nào không phải là về vai trò văn hóa của Đảng? Nhận định nào không thể hiện tư tưởng về đa dạng dân tộc của Đảng? 2 câu này o đáp án chịu

Trong khoảng thời gian 1941 thì đảng thành lập mặt trận ở những đâu? cao bằng

Việt Nam là đối tác chiến lược toàn diện với nước nào? trung ấn nga mỹ hàn nhật pháp malay

Ý nghĩa của phong trào 1930-1931 liên minh công nông, bạo lực cm

Đạo luật 10.59 lê máy chém khắp miền nam, xử tù nhân công khai

Việt Nam tham gia WTO năm bao nhiều 2006

Có câu hỏi Nhà nước của dân, do dân vì dân ? Nhà nước pháp quyền .. ? k hiểu

Nhà nước pháp quyền định hướng XHCN Đảng đã bổ sung quan điểm sáng tạo gì sau cách mạng tháng Tám 1945 nhân nhượng có nguyên tắc, lợi dụng mâu thuẫn trong lòng địch

Đâu không phải là nguyên nhân sai lầm trong chủ trương kinh tế Hội nghị IV sai lầm là: nóng vôi, đề ra mục tiêu quá cao, chưa nhìn nhận dc khuyết điểm 21 năm ptrien XHCN MB, vi pham ngtạc tư nguyên, tập trung dân chủ, chưa lấy dân làm gốc, chưa nhìn nhân thực tế

Ai viết "Đường lối cách mang miền Nam Việt Nam" lê duẩn

Phương châm trong cách mạng tháng 8 1945 là gì? dứt khoát tập trung, thống nhất Phương châm "thần tốc" gì đó trong Chiến dịch Hồ Chí Minh khẩn trương thần tốc..

Sau cách mạng 1945 vấn dề cấp bách cần giải quyết là gì – thống nhất về mặt nhà nước, xây dựng chính quyền (nhất), còn đâu có thể có thêm giải quyết nạn đói dốt thù trong giặc ngoài